TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ÂN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-7-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hiển;

2. Bà Nguyễn Thị Liên.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 173/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/7/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1995;
Địa chỉ: thôn H2, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn*: Ông Lê Quốc T, sinh năm 1998;
Địa chỉ: thôn H2, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm H1, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn T1, xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Quốc T quen biết nhau, tìm hiểu nhau từ năm 2019, sau đó tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định vào ngày 05/6/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại nhà chồng ở thôn H2, xã A, huyện Hoài Ân. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, có với nhau 01 con chung. Bắt đầu từ tháng 10 năm 2021, bà có ra ở riêng để đi làm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do ông T ham chơi với bạn bè, không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con, từ đó vợ chồng bà thường xuyên xảy ra tranh cãi. Sau những cuộc cãi vã vợ chồng bà có nói chuyện hòa giải để tiếp tục chung sống nhưng sau nhiều lần hòa giải vẫn không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Nay, xét thấy tình cảm không còn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Quốc T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 con chung tên Lê Bảo Ngọc H3, sinh ngày 02/11/2019 hiện đang ở với bà, nay bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng; yêu cầu ông Lê Quốc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu bố mẹ chồng trả 04 chỉ vàng, nhưng sau đó bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà có mượn ông Phạm H1 số tiền 10.000.000 đồng để làm ăn, trang trải cuộc sống, nay ly hôn vợ chồng mỗi người có trách nhiệm trả cho ông H1 5.000.000 đồng.

Quá trình làm việc với Tòa án bị đơn ông Lê Quốc T trình bày: Về quá trình kết hôn, chung sống và mâu thuẫn vợ chồng, tài sản chung và nợ chung ông thống nhất như lời trình bày của bà H. Nay, bà Phạm Thị H yêu cầu được ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì ông còn yêu thương và muốn chăm sóc cho vợ con. Nếu Tòa xử ly hôn thì ông có nguyện vọng:

Về con chung: Vợ chồng ông có 01 con chung tên Lê Bảo Ngọc Hân, sinh ngày 02/11/2019 đang ở với bà H, nay ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng; không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Về nợ chung: Vợ chồng ông có nợ ông Phạm H1 số tiền 10.000.000 đồng, nay ly hôn ông và bà H mỗi người trả cho ông H1 5.000.000 đồng.

Quá trình làm việc với Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm H1 trình bày: Ông là anh trai ruột của bà Phạm Thị H. Khi vợ chồng ông T, bà H cần tiền để trang trải cuộc sống thì ông cho mượn số tiền 10.000.000 đồng, không tính lãi, khi mượn không viết giấy mượn tiền vì là anh em ruột.

Nay, vợ chồng Hậu ly hôn ông yêu cầu bà H, ông T mỗi người trả cho ông số tiền 5.000.000 đồng trong vòng một lần, không yêu cầu tính lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn thụ lý hồ sơ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Xét thấy, tình cảm vợ chồng bà Phạm Thị H và ông Lê Quốc T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Phạm Thị H được ly hôn ông Lê Quốc T.

Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Lê Bảo Ngọc H3, sinh ngày 02/11/2019 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; ông Lê Quốc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Lê Quốc T mỗi người phải trả cho ông Phạm H1 số tiền 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị H có đơn yêu cầu ly hôn ông Lê Quốc T. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Quốc T có hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân.

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Quốc T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm H1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và ông Lê Quốc T quen biết nhau, có tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ân A, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định vào ngày 05/6/2019, nên hôn nhân của vợ chồng ông bà là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sinh sống tại nhà ông T ở thôn H2, xã A, huyện Hoài Ân. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, có với nhau 01 con chung. Từ năm tháng 10 năm 2021 khi bà H ra ở

riêng để đi làm, vợ chồng ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông T ham chơi với bạn bè, không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau những cuộc cãi vã vợ chồng ông bà có nói chuyện hòa giải để tiếp tục chung sống nhưng sau nhiều lần hòa giải vẫn không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Ông T yêu cầu được đoàn tụ, nhưng không chủ động trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ ông cũng không muốn níu kéo tình cảm vợ chồng, không muốn níu kéo cuộc hôn nhân của ông bà.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng bà Phạm Thị H và ông Lê Quốc T mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù có kéo dài cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị H và ông Lê Quốc T có 01 con chung tên Lê Bảo Ngọc H3, sinh ngày 02/11/2019 hiện đang được bà H nuôi dưỡng ổn định, bà H hiện là công nhân may thu nhập bình quân hàng tháng 7.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy bà H đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con, nên cần tiếp tục giao con Lê Ngọc Bảo H3 cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị H yêu cầu ông Lê Quốc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi; ông Lê Quốc T hiện làm nhôm kính, thu nhập mỗi tháng 9.000.000 đồng. Xét thấy, cha mẹ phải có nghĩa vụ cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; do đó, cần buộc ông Lê Quốc T cấp dưỡng nuôi con Lê Bảo Ngọc H3 mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị H không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Lê Quốc T có mượn của ông Phạm H1 10.000.000 đồng để trang trải cuộc sống, đây là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân; do đó, khi ly hôn bà H, ông T mỗi người phải trả cho ông Phạm H1 số tiền 5.000.000 đồng.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; ông Lê Quốc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho ông Phạm H1 tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; 81; 82; 83; 84; 110; 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Bà Phạm Thị H được ly hôn ông Lê Quốc T.

2. Về con chung: Giao con tên Lê Bảo Ngọc H3, sinh ngày 02/11/2019 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Quốc T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lê Quốc T cấp dưỡng nuôi con Lê Bảo Ngọc Hân mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2022 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Không xem xét.

5. Về nợ chung: Bà Phạm Thị H và ông Lê Quốc T mỗi người phải trả cho ông Phạm H1 số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010620 ngày 06/6/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân; ông Lê Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm;

Án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị H, ông Lê Quốc T mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Hoàn trả 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010664 ngày 30/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm H1.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Hoài Ân + Tỉnh;
- Các bên đương sự;
- UBND xã A;
- CC THADS huyện Hoài Ân;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Tâm